

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 27 /NQ-HĐND

Châu Thành, ngày 27 tháng 8 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ, điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư phát triển nguồn tỉnh trợ cấp
mục tiêu từ ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương
trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Châu Thành**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 19 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương (vốn trong nước) giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 11/7/2024 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương (vốn trong nước) giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (lần 2);

Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 21/8/2024 của UBND huyện Châu Thành về phân bổ, điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư phát triển nguồn tỉnh trợ cấp mục tiêu từ ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua phân bổ, điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư phát triển nguồn tỉnh trợ cấp mục tiêu từ ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Châu Thành, cụ thể như sau:

- Phân bổ kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 là: 38.155,242 triệu đồng.

- Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh, bổ sung: 35.394,812 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành khóa XII, kỳ họp thứ 19 (chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 8 năm 2024.

Nơi nhận:

- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- TT. UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện, khóa XII;
- Các phòng, ban ngành, đoàn thể huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, NC

KT. **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Công

DANH MỤC DỰ ÁN BỔ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN TÍNH TRỢ CẤP MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG
VÙNG TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ, GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đính kèm Nghị quyết số: **17/NQ-HĐND** ngày **27** tháng **X** năm **2024** của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành

ĐVT: triệu đồng

Stt	Dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT (năm)	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú		
					Số Quyết định ngày tháng năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tính trợ từ NSTW			Điều chỉnh (theo Quyết định số 2579/QĐ-UBND, ngày 19/10/2023)	Điều chỉnh (theo Quyết định số 1516/QĐ-UBND, ngày 11/7/2024)	Bổ sung (theo Quyết định số 2579/QĐ-UBND, ngày 19/10/2023)					
TỔNG SỐ																	
A	VỐN TÍNH TRỢ CẤP MỤC TIÊU TỪ NSTW																
I	Dự án 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt																
1	Hỗ trợ đất ở																
2	Hỗ trợ nhà ở																
3	Hỗ trợ đất sản xuất																
II	Dự án 4																
I	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số																
I.1	Nội dung 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số																
(1)	Đường đai áp Trà Quýt A (từ đường Bạch Đằng đến phía sau Viện Kiểm Sát), thị trấn Châu Thành	thị trấn Châu Thành	D 400m; R 3,5m	2022-2023	319/QĐ-UBND, 26/7/2022	800,582	727,940										
(2)	Đường đai áp Trà Quýt A (điểm đầu kênh Xây Cáp Nhỏ đến giáp hộ Nguyễn Văn Hải), thị trấn Châu Thành	thị trấn Châu Thành	D 447m; R 3,5m	2023	459/QĐ-UBND, 24/10/2022	1.092,968	993,753										
(3)	Đường Salaten đi kênh 5 Dãn	Phù Tân	D 700m; R 3,5m	2022-2023	321/QĐ-UBND, 26/7/2022	1.450,000	1.318,204										
(4)	Đường từ cầu kinh 18 đến kinh Huyện Văn Lợi	Phù Tân	D 1.120m; R 3,5m	2024-2025													
(5)	Đường hẻm đường nhà ông Danh Minh Chèo	An Hiệp	D 176m; R 2m	2022	304/QĐ-UBND, 12/7/2022	288,000	288										
(6)	Đường đai hẻm Đầm Bò	An Hiệp	D 346m; R 3,5m	2023-2024	458/QĐ-UBND, 24/10/2022	1.269,326	800										
(7)	Đường đai hẻm phía sau kho cá lóc	An Hiệp	D 500m; R 2m	2023	461/QĐ-UBND, 24/10/2022	694,764	633,693										
(8)	Đường kênh Ngang (01 cây cầu)	Phù Tân	D 170, R 3m; cầu dài 18m, rộng 3m	2022	305/QĐ-UBND, 12/7/2022	1.180,000	864										



Stt	Dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT (năm)	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2021	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Số Quyết định ngày tháng năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tinh trợ từ NSTW			Kế hoạch tăng (+), giảm (-)	Điều chỉnh (theo Quyết định số 2579/QĐ-UBND, ngày 19/10/2023)	Điều chỉnh (theo Quyết định số 1516/QĐ-UBND, ngày 11/7/2024)	Bổ sung (theo Quyết định số 2579/QĐ-UBND, ngày 19/10/2023)		
(9)	Đường đai áp Phú Bình (01 cây cầu)	Phú Tâm	D 2000m, R 3m	2024-2025	306/QĐ-UBND, 26/10/2023	5.910,000	5.650,026	2.600	3.050,026				5.650,026		
(10)	Đường đai áp Phú Thành A	Phú Tâm	D 1000m, R 3m	2023	469/QĐ-UBND, 28/10/2022	2868,156	1.701,080	1.701,080					1.701,080		
(11)	Đường Rach Sa Bàu (giai đoạn 1)	Thuận Hòa	D 1.114,14m, R 3,5m	2022	306/QĐ-UBND, 12/7/2022	2.170,300	1.973,061	1.973,061					1.973,061		
(12)	Đường Rach Sa Bàu (giai đoạn 2)	Thuận Hòa	D 1.620m, R 3,5m	2023	460/QĐ-UBND, 24/10/2022	3.886,000	2.700,000	2.700					2.700		
(13)	Đường kênh Ông Lia	Thuận Hòa	D 1.920m, R 3,5m	2024				3.277	-3.277,000						
(14)	Đường kênh Tư Hùng	Thuận Hòa	D 1.100m, R 3,5m	2025				2.070	-2.070,000						
(15)	Đường kênh Trà Tép	Thuận Hòa	D 700m, R 3,5m	2025				1.769,722	-1.769,722						
(16)	Đường kênh 30/4 (cầu 30/4 đến Quốc lộ 60) giai đoạn 2	Phú Tân		2025									2.033,348		
(17)	Đường đai áp Trà Quyết A (từ hộ Ngô Văn Hải tiếp giáp hộ Thạch Quyền)	thị trấn Châu Thành		2025									1.016,674		
(18)	Đường đai tuyến kênh Túc Sáp	An Hiệp		2025									1.016,674		
1.2	Nội dung 2 - đầu tư xây dựng, cải tạo mạng lưới chợ vùng DTTS							229,560					229,560		
(1)	Nâng cấp chợ Bung Tróp	An Hiệp		2023	464/QĐ-UBND, 25/10/2022	252,488	229,560	229,560					229,560		